

# TRƯỜNG THPT MẠC ĐÌNH CHI

## NỘI DUNG: MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ & PHÁP LUẬT - KHỐI 11 KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2023 – 2024

### A. MA TRẬN ĐỀ

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		% Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Bài 1: Cạnh tranh trong kinh tế thị trường	1		1						2	0	10
2	Bài 2: Cung – cầu trong kinh tế thị trường	1		1						2	0	
3	Bài 3: Lạm phát trong kinh tế thị trường	1		1						2	0	12,5
4	Bài 4: Thất nghiệp trong kinh tế thị trường	2		1						3	0	
5	Bài 5: Thị trường lao động, việc làm	3		1						4	0	10
6	Bài 6: Ý tưởng và cơ hội kinh doanh	2		2					1	4	1	37,5
7	Bài 7: Năng lực cần thiết của	2		1						3	0	

	người kinh doanh											
8	Bài 8: Đạo đức kinh doanh	3		3			1			6	1	25
9	Bài 9: Văn hoá tiêu dùng	1		1						2	0	5
Tổng		16	0	12	0	0	1	0	1		3	10
Tỷ lệ %		40		30		10		20		28	10	100

## B. ĐẶC TẢ

TT	Chủ đề	Mạch kiến thức	Mức độ đánh giá	Các mức độ nhận thức							
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
				TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	<b>Chủ đề 1: Cạnh tranh, cung cầu trong kinh tế thị trường</b>	Bài 1: Cạnh tranh trong kinh tế thị trường	- Nêu được khái niệm cạnh tranh. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh. - Phân tích được vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế. - Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh.	1	0	1	0	0	0	0	0
2		Bài 2: Cung - cầu trong kinh tế thị trường	- Nêu được khái niệm cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung. - Nêu được khái niệm cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu. - Phân tích được mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung - cầu trong nền kinh tế.	1	0	1	0	0	0	0	0

			- Phân tích được quan hệ cung - cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể.								
3	<b>Chủ đề 2: Lạm phát, thất nghiệp</b>	Bài 3: Lạm phát trong kinh tế thị trường	- Nêu được khái niệm lạm phát. - Liệt kê được các loại hình lạm phát. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát. - Mô tả được hậu quả của lạm phát đối với nền kinh tế và xã hội. - Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát. - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát.	1	0	1	0	0	0	0	0
4		Bài 4: Thất nghiệp trong kinh tế thị trường	- Nêu được khái niệm thất nghiệp. - Liệt kê được các loại hình thất nghiệp. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp. - Mô tả được hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội. - Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp. - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp.	1	0	1	0	0	0	0	0
5	<b>Chủ đề 3: Thị trường lao động và việc làm</b>	Bài 5: Thị trường lao động và việc làm	- Nêu được các khái niệm: lao động, việc làm, thị trường lao động, thị trường việc làm. - Chỉ ra được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm. - Nhận ra được xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường.	3	0	1	0	0	0	0	0

			- Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp.									
6	<b>Chủ đề 4:</b> Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	Bài 6: Ý tưởng và cơ hội kinh doanh	- Nêu được thế nào là ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh. - Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh. - Nhận biết được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh; các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh. - Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành; phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân.	1	0	1	0					
				1	0	1	0	0	0	0	1	
7		Bài 7: Năng lực cần thiết của người kinh doanh	- Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh. - Phân tích được năng lực kinh doanh của bản thân.	2	0	1	0	0	0	0	0	
8	<b>Chủ đề 5:</b> Đạo đức kinh doanh	Bài 8: Đạo đức kinh doanh	- Nêu được quan niệm, vai trò của đạo đức kinh doanh. - Chỉ ra được các biểu hiện của đạo đức kinh doanh. - Biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của nhà kinh doanh. - Vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh. - Phê phán được những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh.	2	0	1	0					
			1	0	2	0	0	1	0	0		
9	<b>Chủ đề 6:</b> Văn hoá tiêu dùng	Bài 9: Văn hoá tiêu dùng	- Nêu được vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế. - Nêu được khái niệm và vai trò của văn hoá tiêu dùng.	1	0			0	0	0	0	

			- Mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng. - Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá. - Phê phán những biểu hiện không có văn hoá trong tiêu dùng; tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân làm người tiêu dùng có văn hoá.			1	0				
10	Tổng			16	0	12	0	0	1	0	1

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẾN TRE**  
**TRƯỜNG THPT MẠC ĐĨNH CHI**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 – NĂM HỌC: 2023 – 2024**  
**MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ PHÁP LUẬT – LỚP 11**  
**THỜI GIAN: 45 phút (Không tính thời gian phát đề)**

**MÃ ĐỀ 178**

**PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**Câu 1.** Trong nền kinh tế thị trường, người sản xuất và người tiêu dùng cũng thường xuyên cạnh tranh với nhau để

- A. giành giật những điều kiện thuận lợi trong sản xuất.
- B. mua được hàng hóa đắt hơn với chất lượng tốt hơn.
- C. được lợi ích nhiều nhất từ hoạt động trao đổi trên thị trường.
- D. giành giật những điều kiện thuận lợi trong tiêu thụ hàng hóa.

**Câu 2.** Cung là số lượng hàng hóa, dịch vụ mà

- A. người tiêu dùng sẵn sàng mua khi các đơn vị phân phối có chương trình khuyến mại.
- B. nhà phân phối đang thực hiện hoạt động đầu cơ để tạo sự khan hiếm trên thị trường.
- C. nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường với mức giá được xác định.
- D. người tiêu dùng sẵn sàng mua với một mức giá nhất định trong khoảng thời gian xác định.

**Câu 3.** Căn cứ vào tỉ lệ lạm phát, giá cả tăng lên với tốc độ vượt xa mức lạm phát phi mã (>1.000%) được gọi là tình trạng

- A. lạm phát vừa phải.
- B. lạm phát kinh niên.
- C. siêu lạm phát.
- D. lạm phát nghiêm trọng.

**Câu 4.** Thất nghiệp là tình trạng người lao động

- A. có nhiều cơ hội việc làm nhưng không muốn làm việc.
- B. mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm.
- C. muốn tìm công việc phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ.
- D. muốn tìm công việc yêu thích và gắn với địa bàn cư trú.

**Câu 5.** Căn cứ vào tính chất, thất nghiệp được chia thành 2 loại hình, là:

- A. thất nghiệp tự nguyện và thất nghiệp không tự nguyện.
- B. thất nghiệp tạm thời và thất nghiệp cơ cấu.
- C. thất nghiệp cơ cấu và thất nghiệp không tự nguyện.
- D. thất nghiệp tự nhiên và thất nghiệp chu kì.

**Câu 6.** Là nơi diễn ra sự thoả thuận, xác lập quan hệ lao động về việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả lương giữa người lao động và người sử dụng lao động, các tổ chức đại diện của các bên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền được gọi là gì?

- A. thị trường việc làm.
- B. thị trường lao động.
- C. trung tâm giới thiệu việc làm.
- D. trung tâm môi giới việc làm.

**Câu 7.** Việc làm là

- A. tất cả những hoạt động có mục đích, có ý thức của con người.
- B. hoạt động lao động tạo ra thu nhập và không bị pháp luật cấm.
- C. tất cả những hoạt động lao động đem lại thu nhập cho con người.
- D. những hoạt động lao động tạo ra thu nhập bị pháp luật nghiêm cấm.

**Câu 8.** Thông tin thị trường lao động và dịch vụ việc làm có vai trò

- A. giúp các doanh nghiệp điều tiết lực lượng lao động.
- B. nâng cao kiến thức cho người lao động và người sử dụng lao động.
- C. là cơ sở để người sử dụng lao động tìm được việc làm phù hợp cho mình.
- D. là cầu nối trong việc gắn kết thị trường lao động với thị trường việc làm.

**Câu 9.** Những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để chủ thể kinh tế thực hiện được mục tiêu kinh doanh (thu lợi nhuận) được gọi là

- A. Lực lượng lao động.
- B. Ý tưởng kinh doanh.
- C. Cơ hội kinh doanh.
- D. Năng lực quản trị.

**Câu 10.** Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh của chủ thể sản xuất kinh doanh xuất phát từ

- A. lợi thế nội tại và cơ hội bên ngoài.
- B. điểm yếu nội tại và khó khăn bên ngoài.
- C. những mâu thuẫn của chủ thể sản xuất kinh doanh.
- D. những khó khăn nội tại của chủ thể sản xuất kinh doanh.

**Câu 11.** Có kiến thức, kĩ năng về ngành nghề/ lĩnh vực kinh doanh - đó là biểu hiện cho năng lực nào của người kinh doanh?

- A. Năng lực thực hiện trách nhiệm với xã hội.
- B. Năng lực chuyên môn.
- C. Năng lực định hướng chiến lược.
- D. Năng lực nắm bắt cơ hội.

**Câu 12.** Biết đánh giá cơ hội kinh doanh, lựa chọn và chớp cơ hội kinh doanh - đó là biểu hiện cho năng lực nào của người kinh doanh?

- A. Năng lực thực hiện trách nhiệm với xã hội.
- B. Năng lực chuyên môn.

C. Năng lực định hướng chiến lược.

D. Năng lực nắm bắt cơ hội.

**Câu 13.** Một trong những biểu hiện của đạo đức kinh doanh trong mối quan hệ giữa chủ thể sản xuất với người lao động là

A. vừa hợp tác vừa cạnh tranh lành mạnh.

B. đối xử bình đẳng, công bằng với nhân viên.

C. tích cực thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

D. không sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.

**Câu 14.** Đối với những hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh, chúng ta cần

A. khuyến khích, cổ vũ.      B. lên án, ngăn chặn.

C. thờ ơ, vô cảm.      D. học tập, noi gương.

**Câu 15.** Một trong những biểu hiện của đạo đức kinh doanh trong mối quan hệ giữa chủ thể sản xuất kinh doanh với nhau là

A. vừa hợp tác vừa cạnh tranh lành mạnh.

B. đối xử bình đẳng, công bằng với nhân viên.

C. tích cực thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

D. không sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.

**Câu 16.** Đối với đời sống văn hóa, văn hóa tiêu dùng có vai trò như thế nào?

A. Tác động đến chiến lược sản xuất kinh doanh của các chủ thể kinh tế.

B. Là cơ sở giúp cho các doanh nghiệp đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp.

C. Góp phần gìn giữ và phát huy những tập quán tiêu dùng tốt đẹp của dân tộc.

D. Góp phần làm thay đổi phong cách tiêu dùng, tác phong lao động của con người.

**Câu 17.** Nội dung nào sau đây **sai** khi bàn về vấn đề cạnh tranh không lành mạnh?

A. Là những hành vi trái với quy định của pháp luật.

B. Gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của doanh nghiệp khác.

C. Phù hợp với nguyên tắc thiện chí, trung thực trong kinh doanh.

D. Tổn hại đến môi trường kinh doanh, tác động xấu đến xã hội.

**Câu 18.** Những nhân tố nào ảnh hưởng đến lượng cầu hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp sau:

*Trường hợp.* Trong bối cảnh thị trường dầu mỏ thế giới biến động làm giá xăng dầu tăng lên, với mức thu nhập không đổi, nhiều người tiêu dùng ở thành phố đã phải cân nhắc khi sử dụng phương tiện giao thông. Thay vì sử dụng phương tiện ô tô, xe máy cá nhân hoặc taxi, nhiều người đã lựa chọn dùng phương tiện công cộng như xe buýt.

A. Quy mô dân số và dự đoán của người tiêu dùng về thị trường.

B. Gia tăng chi phí của các yếu tố đầu vào sản xuất và quy mô dân số.

C. Thu nhập của người tiêu dùng và giá cả của hàng hóa, dịch vụ thay thế.

D. Quy mô dân số và sự kì vọng của người tiêu dùng về hàng hóa, dịch vụ.

**Câu 19.** Tình trạng lạm phát tác động như thế nào đến hoạt động sản xuất, kinh doanh?

- A. Các doanh nghiệp giảm quy mô đầu tư, sản xuất - kinh doanh.
- B. Các doanh nghiệp tăng cường đầu tư, cải tiến trang thiết bị.
- C. Các doanh nghiệp tăng quy mô đầu tư, sản xuất - kinh doanh.
- D. Các doanh nghiệp tăng cường tuyển dụng lao động có tay nghề cao.

**Câu 20.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng vai trò của nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp?

- A. Hoàn thiện thể chế về thị trường lao động, thực hiện đúng pháp luật về lao động.
- B. Khuyến khích các cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh mở rộng hoạt động sản xuất.
- C. Thực hiện chính sách an sinh xã hội, chính sách giải quyết việc làm cho người lao động.
- D. Nghiêm cấm doanh nghiệp nước ngoài đầu tư nhằm bảo vệ các doanh nghiệp trong nước.

**Câu 21.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng các yếu tố cấu thành thị trường lao động?

- A. Lượng cung.                      B. Lượng cầu.                      C. Giá cả sức lao động.                      D. Chất lượng lao động.

**Câu 22.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng lợi thế nội tại giúp hình thành ý tưởng kinh doanh?

- A. Chính sách vĩ mô của nhà nước.                      B. Nhu cầu sản phẩm trên thị trường.
- C. Lợi thế về nguồn cung ứng sản phẩm.                      D. Đam mê, hiểu biết của chủ thể kinh doanh.

**Câu 23.** Trong các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh dưới đây, yếu tố nào **không** thuộc về cơ hội bên ngoài của các chủ thể sản xuất kinh doanh?

- A. Nhu cầu của thị trường.                      B. Sự cạnh tranh giữa các chủ thể.
- C. Khả năng huy động các nguồn lực.                      D. Chính sách vĩ mô của nhà nước.

**Câu 24.** Đọc trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi:

**Trường hợp.** Anh V có năng lực lập kế hoạch kinh doanh, biết tổ chức nguồn lực, phối hợp công việc nhịp nhàng để đội ngũ nhân lực phát huy hết hiệu quả, tính sáng tạo trong kinh doanh.

**Câu hỏi:** Theo em, nhận định trên nói về năng lực nào của anh V?

- A. Năng lực nắm bắt cơ hội.                      B. Năng lực tổ chức, lãnh đạo.
- C. Năng lực phân tích và sáng tạo.                      D. Năng lực thực hiện trách nhiệm xã hội.

**Câu 25.** Đạo đức kinh doanh có vai trò quan trọng đối với các chủ thể sản xuất kinh doanh, **ngoại trừ** việc

- A. điều chỉnh hành vi của các chủ thể theo hướng tích cực.
- B. làm mất lòng tin của khách hàng đối với doanh nghiệp.
- C. đẩy mạnh hợp tác và đầu tư giữa các chủ thể kinh doanh.
- D. thúc đẩy sự phát triển vững mạnh của kinh tế quốc gia.

**Câu 26.** Hành vi nào dưới đây là biểu hiện của đạo đức kinh doanh?

- A. Tìm mọi cách để triệt hạ đối thủ cạnh tranh.
- B. Đảm bảo lợi ích chính đáng cho người lao động.
- C. Sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.
- D. Phân biệt đối xử giữa các lao động nam và nữ.



**Câu 27.** Chủ thể nào dưới đây có hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh?

- A. Nhân viên của Công ty X có thái độ tiêu cực, khi khách hàng phản hồi về sản phẩm.
- B. Doanh nghiệp B chủ động tiến hành thu hồi sản phẩm khi phát hiện hàng hóa bị lỗi.
- C. Doanh nghiệp A đóng bảo hiểm đầy đủ cho nhân viên theo đúng quy định pháp luật.
- D. Cửa hàng S thường xuyên lấy ý kiến của khách hàng để cải thiện chất lượng dịch vụ.

**Câu 28.** Thói quen tiêu dùng của anh A trong trường hợp dưới đây phản ánh về đặc điểm nào trong văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam?

**Trường hợp.** Thu nhập của anh A tăng nhanh trong những năm gần đây, tác động đến hành vi tiêu dùng. Ngoài ra, giá cả cũng là yếu tố quan trọng trong những quyết định tiêu dùng của anh. Anh A tiêu dùng ngày càng thông minh và kỹ tính hơn, quan tâm đến các thông tin về sản phẩm như nguồn gốc xuất xứ, mẫu mã, chất lượng.

- A. Tính kế thừa.
- B. Tính giá trị.
- C. Tính thời đại.
- D. Tính hợp lý.

## **PHẦN 2: TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1:** Sau khi tốt nghiệp đại học, chị P xin bố mẹ một khoản vốn để kinh doanh mỹ phẩm trực tuyến. Biết lĩnh vực này sẽ có sức cạnh tranh lớn và có nhiều rủi ro nên chị đã cẩn trọng thực hiện từng bước. Đầu tiên, chị đánh giá, xác định được cơ hội kinh doanh và xây dựng, lên ý tưởng. Chị dành thời gian nghiên cứu thị trường, nguồn cung hàng hóa và xem xét điểm mạnh, điểm yếu của bản thân cũng như các cơ hội, thách thức khi tham gia lĩnh vực. Chị đã tiên hành ở quy mô nhỏ nhằm kiểm tra tính khả thi của dự án, sau đó mới thực hiện mở rộng. Nhờ vậy, chị đã đạt được thành công trong dự án kinh doanh của mình.

- a. Em có nhận xét như thế nào về việc xây dựng ý tưởng kinh doanh của chị P? **(1,5 điểm)**
- b. Từ trường hợp của chị P, em rút ra bài học gì để xây dựng ý tưởng kinh doanh của bản thân? **(0,5 điểm)**

**Câu 2:** Em hãy giải thích vì sao việc giữ gìn đạo đức trong kinh doanh sẽ duy trì và hoàn thiện thái độ, hành vi của nhà kinh doanh theo hướng đúng đắn, tốt đẹp, có lợi cho người tiêu dùng và xã hội? **(1 điểm)**

----HẾT----

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẾN TRE  
TRƯỜNG THPT MẠC ĐĨNH CHI**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 – NĂM HỌC: 2023 – 2024  
MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ PHÁP LUẬT – LỚP 11  
THỜI GIAN: 45 phút (Không tính thời gian phát đề)**

## **MÃ ĐỀ 265**

### **PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**Câu 1.** Thất nghiệp là tình trạng người lao động

- A. có nhiều cơ hội việc làm nhưng không muốn làm việc.
- B. muốn tìm công việc yêu thích và gắn với địa bàn cư trú.
- C. muốn tìm công việc phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ.
- D. mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm.

**Câu 2.** Căn cứ vào tính chất, thất nghiệp được chia thành 2 loại hình, là:

- A. thất nghiệp cơ cấu và thất nghiệp không tự nguyện.
- B. thất nghiệp tạm thời và thất nghiệp cơ cấu.
- C. thất nghiệp tự nguyện và thất nghiệp không tự nguyện.
- D. thất nghiệp tự nhiên và thất nghiệp chu kì.

**Câu 3.** Đối với đời sống văn hóa, văn hóa tiêu dùng có vai trò như thế nào?

- A. Tác động đến chiến lược sản xuất kinh doanh của các chủ thể kinh tế.
- B. Là cơ sở giúp cho các doanh nghiệp đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp.
- C. Góp phần gìn giữ và phát huy những tập quán tiêu dùng tốt đẹp của dân tộc.
- D. Góp phần làm thay đổi phong cách tiêu dùng, tác phong lao động của con người.

**Câu 4.** Nội dung nào sau đây **sai** khi bàn về vấn đề cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Là những hành vi trái với quy định của pháp luật.
- B. Gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của doanh nghiệp khác.
- C. Tồn tại đến môi trường kinh doanh, tác động xấu đến xã hội.
- D. Phù hợp với nguyên tắc thiện chí, trung thực trong kinh doanh.

**Câu 5.** Là nơi diễn ra sự thoả thuận, xác lập quan hệ lao động về việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả lương giữa người lao động và người sử dụng lao động, các tổ chức đại diện của các bên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền được gọi là gì?

- A. thị trường việc làm.
- B. thị trường lao động.
- C. trung tâm giới thiệu việc làm.
- D. trung tâm môi giới việc làm.

**Câu 6.** Việc làm là

- A. hoạt động lao động tạo ra thu nhập và không bị pháp luật cấm.
- B. tất cả những hoạt động có mục đích, có ý thức của con người.
- C. tất cả những hoạt động lao động đem lại thu nhập cho con người.
- D. những hoạt động lao động tạo ra thu nhập bị pháp luật nghiêm cấm.

**Câu 7.** Thông tin thị trường lao động và dịch vụ việc làm có vai trò

- A. giúp các doanh nghiệp điều tiết lực lượng lao động.
- B. là cầu nối trong việc gắn kết thị trường lao động với thị trường việc làm.
- C. là cơ sở để người sử dụng lao động tìm được việc làm phù hợp cho mình.
- D. nâng cao kiến thức cho người lao động và người sử dụng lao động.

**Câu 8.** Chủ thể nào dưới đây có hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh?

- A. Doanh nghiệp A đóng bảo hiểm đầy đủ cho nhân viên theo đúng quy định pháp luật.
- B. Doanh nghiệp B chủ động tiến hành thu hồi sản phẩm khi phát hiện hàng hóa bị lỗi.
- C. Nhân viên của Công ty X có thái độ tiêu cực, khi khách hàng phản hồi về sản phẩm.
- D. Cửa hàng S thường xuyên lấy ý kiến của khách hàng để cải thiện chất lượng dịch vụ.

**Câu 9.** Thói quen tiêu dùng của anh A trong trường hợp dưới đây phản ánh về đặc điểm nào trong văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam?

**Trường hợp.** Thu nhập của anh A tăng nhanh trong những năm gần đây, tác động đến hành vi tiêu dùng. Ngoài ra, giá cả cũng là yếu tố quan trọng trong những quyết định tiêu dùng của anh. Anh A tiêu dùng ngày càng thông minh và kỹ tính hơn, quan tâm đến các thông tin về sản phẩm như nguồn gốc xuất xứ, mẫu mã, chất lượng.

- A. Tính kế thừa.      B. Tính hợp lý.      C. Tính thời đại.      D. Tính giá trị.

**Câu 10.** Tình trạng lạm phát tác động như thế nào đến hoạt động sản xuất, kinh doanh?

- A. Các doanh nghiệp tăng cường tuyển dụng lao động có tay nghề cao.  
B. Các doanh nghiệp tăng cường đầu tư, cải tiến trang thiết bị.  
C. Các doanh nghiệp tăng quy mô đầu tư, sản xuất - kinh doanh.  
D. Các doanh nghiệp giảm quy mô đầu tư, sản xuất - kinh doanh.

**Câu 11.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng vai trò của nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp?

- A. Hoàn thiện thể chế về thị trường lao động, thực hiện đúng pháp luật về lao động.  
B. Khuyến khích các cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh mở rộng hoạt động sản xuất.  
C. Thực hiện chính sách an sinh xã hội, chính sách giải quyết việc làm cho người lao động.  
D. Nghiêm cấm doanh nghiệp nước ngoài đầu tư nhằm bảo vệ các doanh nghiệp trong nước.

**Câu 12.** Những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để chủ thể kinh tế thực hiện được mục tiêu kinh doanh (thu lợi nhuận) được gọi là

- A. Lực lượng lao động.      B. Ý tưởng kinh doanh.  
C. Cơ hội kinh doanh.      D. Năng lực quản trị.

**Câu 13.** Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh của chủ thể sản xuất kinh doanh xuất phát từ

- A. lợi thế nội tại và cơ hội bên ngoài.  
B. điểm yếu nội tại và khó khăn bên ngoài.  
C. những mâu thuẫn của chủ thể sản xuất kinh doanh.  
D. những khó khăn nội tại của chủ thể sản xuất kinh doanh.

**Câu 14.** Có kiến thức, kỹ năng về ngành nghề/ lĩnh vực kinh doanh - đó là biểu hiện cho năng lực nào của người kinh doanh?

- A. Năng lực thực hiện trách nhiệm với xã hội.      B. Năng lực nắm bắt cơ hội.  
C. Năng lực định hướng chiến lược.      D. Năng lực chuyên môn.

**Câu 15.** Biết đánh giá cơ hội kinh doanh, lựa chọn và chớp cơ hội kinh doanh - đó là biểu hiện cho năng lực nào của người kinh doanh?

- A. Năng lực thực hiện trách nhiệm với xã hội.      B. Năng lực nắm bắt cơ hội.  
C. Năng lực định hướng chiến lược.      D. Năng lực chuyên môn.

**Câu 16.** Trong nền kinh tế thị trường, người sản xuất và người tiêu dùng cũng thường xuyên cạnh tranh với nhau để

- A. được lợi ích nhiều nhất từ hoạt động trao đổi trên thị trường.

- B. mua được hàng hóa đắt hơn với chất lượng tốt hơn.
- C. giành giật những điều kiện thuận lợi trong sản xuất.
- D. giành giật những điều kiện thuận lợi trong tiêu thụ hàng hóa.

**Câu 17.** Cung là số lượng hàng hóa, dịch vụ mà

- A. người tiêu dùng sẵn sàng mua khi các đơn vị phân phối có chương trình khuyến mại.
- B. nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường với mức giá được xác định.
- C. nhà phân phối đang thực hiện hoạt động đầu cơ để tạo sự khan hiếm trên thị trường.
- D. người tiêu dùng sẵn sàng mua với một mức giá nhất định trong khoảng thời gian xác định.

**Câu 18.** Căn cứ vào tỉ lệ lạm phát, giá cả tăng lên với tốc độ vượt xa mức lạm phát phi mã ( $>1.000\%$ ) được gọi là tình trạng

- A. lạm phát vừa phải.
- B. lạm phát kinh niên.
- C. siêu lạm phát.
- D. lạm phát nghiêm trọng.

**Câu 19.** Một trong những biểu hiện của đạo đức kinh doanh trong mối quan hệ giữa chủ thể sản xuất với người lao động là

- A. vừa hợp tác vừa cạnh tranh lành mạnh.
- B. không sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.
- C. tích cực thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.
- D. đối xử bình đẳng, công bằng với nhân viên.

**Câu 20.** Đối với những hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh, chúng ta cần

- A. khuyến khích, cổ vũ.
- B. lên án, ngăn chặn.
- C. thờ ơ, vô cảm.
- D. học tập, noi gương.

**Câu 21.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng các yếu tố cấu thành thị trường lao động?

- A. Chất lượng lao động.
- B. Lượng cầu.
- C. Giá cả sức lao động.
- D. Lượng cung.

**Câu 22.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng lợi thế nội tại giúp hình thành ý tưởng kinh doanh?

- A. Chính sách vĩ mô của nhà nước.
- B. Nhu cầu sản phẩm trên thị trường.
- C. Lợi thế về nguồn cung ứng sản phẩm.
- D. Đam mê, hiểu biết của chủ thể kinh doanh.

**Câu 23.** Một trong những biểu hiện của đạo đức kinh doanh trong mối quan hệ giữa chủ thể sản xuất kinh doanh với nhau là

- A. đối xử bình đẳng, công bằng với nhân viên.
- B. vừa hợp tác vừa cạnh tranh lành mạnh.
- C. tích cực thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.
- D. không sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.

**Câu 24.** Những nhân tố nào ảnh hưởng đến lượng cầu hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp sau:

*Trường hợp.* Trong bối cảnh thị trường dầu mỏ thế giới biến động làm giá xăng dầu tăng lên, với mức thu nhập không đổi, nhiều người tiêu dùng ở thành phố đã phải cân nhắc khi sử dụng phương tiện giao thông. Thay vì sử dụng phương tiện ô tô, xe máy cá nhân hoặc taxi, nhiều người đã lựa chọn dùng phương tiện công cộng như xe buýt.

- A. Quy mô dân số và dự đoán của người tiêu dùng về thị trường.
- B. Gia tăng chi phí của các yếu tố đầu vào sản xuất và quy mô dân số.
- C. Thu nhập của người tiêu dùng và giá cả của hàng hóa, dịch vụ thay thế.
- D. Quy mô dân số và sự kì vọng của người tiêu dùng về hàng hóa, dịch vụ.

**Câu 25.** Trong các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh dưới đây, yếu tố nào **không** thuộc về cơ hội bên ngoài của các chủ thể sản xuất kinh doanh?

- A. Nhu cầu của thị trường.
- B. Sự cạnh tranh giữa các chủ thể.
- C. Khả năng huy động các nguồn lực.
- D. Chính sách vĩ mô của nhà nước.

**Câu 26.** Đọc trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi:

**Trường hợp.** Anh V có năng lực lập kế hoạch kinh doanh, biết tổ chức nguồn lực, phối hợp công việc nhịp nhàng để đội ngũ nhân lực phát huy hết hiệu quả, tính sáng tạo trong kinh doanh.

**Câu hỏi:** Theo em, nhận định trên nói về năng lực nào của anh V?

- A. Năng lực nắm bắt cơ hội.
- B. Năng lực tổ chức, lãnh đạo.
- C. Năng lực phân tích và sáng tạo.
- D. Năng lực thực hiện trách nhiệm xã hội.

**Câu 27.** Đạo đức kinh doanh có vai trò quan trọng đối với các chủ thể sản xuất kinh doanh, **ngoại trừ** việc

- A. điều chỉnh hành vi của các chủ thể theo hướng tích cực.
- B. làm mất lòng tin của khách hàng đối với doanh nghiệp.
- C. đẩy mạnh hợp tác và đầu tư giữa các chủ thể kinh doanh.
- D. thúc đẩy sự phát triển vững mạnh của kinh tế quốc gia.

**Câu 28.** Hành vi nào dưới đây là biểu hiện của đạo đức kinh doanh?

- A. Tìm mọi cách để triệt hạ đối thủ cạnh tranh.
- B. Sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.
- C. Đảm bảo lợi ích chính đáng cho người lao động.
- D. Phân biệt đối xử giữa các lao động nam và nữ.

## **PHẦN 2: TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1:** Sau khi tốt nghiệp đại học, chị P xin bố mẹ một khoản vốn để kinh doanh mỹ phẩm trực tuyến. Biết lĩnh vực này sẽ có sức cạnh tranh lớn và có nhiều rủi ro nên chị đã cân trọng thực hiện từng bước. Đầu tiên, chị đánh giá, xác định được cơ hội kinh doanh và xây dựng, lên ý tưởng. Chị dành thời gian nghiên cứu thị trường, nguồn cung hàng hóa và xem xét điểm mạnh, điểm yếu của bản thân cũng như các cơ hội, thách thức khi tham gia lĩnh vực. Chị đã tiên hành ở quy mô nhỏ nhằm kiểm tra tính khả thi của dự án, sau đó mới thực hiện mở rộng. Nhờ vậy, chị đã đạt được thành công trong dự án kinh doanh của mình.

- a. Em có nhận xét như thế nào về việc xây dựng ý tưởng kinh doanh của chị P? **(1,5 điểm)**
- b. Từ trường hợp của chị P, em rút ra bài học gì để xây dựng ý tưởng kinh doanh của bản thân? **(0,5 điểm)**

**Câu 2:** Em hãy giải thích vì sao việc giữ gìn đạo đức trong kinh doanh sẽ duy trì và hoàn thiện thái độ, hành vi của nhà kinh doanh theo hướng đúng đắn, tốt đẹp, có lợi cho người tiêu dùng và xã hội? (1 điểm)

----HẾT----

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẾN TRE**  
**TRƯỜNG THPT MẠC ĐĨNH CHI**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 – NĂM HỌC: 2023 – 2024**  
**MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ PHÁP LUẬT – LỚP 11**  
**THỜI GIAN: 45 phút (Không tính thời gian phát đề)**

**MÃ ĐỀ 389**

**PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**Câu 1.** Đạo đức kinh doanh có vai trò quan trọng đối với các chủ thể sản xuất kinh doanh, ngoại trừ việc

- A. điều chỉnh hành vi của các chủ thể theo hướng tích cực.
- B. làm mất lòng tin của khách hàng đối với doanh nghiệp.
- C. đẩy mạnh hợp tác và đầu tư giữa các chủ thể kinh doanh.
- D. thúc đẩy sự phát triển vững mạnh của kinh tế quốc gia.

**Câu 2.** Hành vi nào dưới đây là biểu hiện của đạo đức kinh doanh?

- A. Tìm mọi cách để triệt hạ đối thủ cạnh tranh.
- B. Sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.
- C. Đảm bảo lợi ích chính đáng cho người lao động.
- D. Phân biệt đối xử giữa các lao động nam và nữ.

**Câu 3.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng lợi thế nội tại giúp hình thành ý tưởng kinh doanh?

- A. Chính sách vĩ mô của nhà nước.
- B. Nhu cầu sản phẩm trên thị trường.
- C. Lợi thế về nguồn cung ứng sản phẩm.
- D. Đam mê, hiểu biết của chủ thể kinh doanh.

**Câu 4.** Một trong những biểu hiện của đạo đức kinh doanh trong mối quan hệ giữa chủ thể sản xuất kinh doanh với nhau là

- A. đối xử bình đẳng, công bằng với nhân viên.
- B. vừa hợp tác vừa cạnh tranh lành mạnh.
- C. tích cực thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.
- D. không sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.

**Câu 5.** Thói quen tiêu dùng của anh A trong trường hợp dưới đây phản ánh về đặc điểm nào trong văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam?

**Trường hợp.** Thu nhập của anh A tăng nhanh trong những năm gần đây, tác động đến hành vi tiêu dùng. Ngoài ra, giá cả cũng là yếu tố quan trọng trong những quyết định tiêu dùng của anh. Anh A tiêu dùng ngày càng thông minh và kỹ tính hơn, quan tâm đến các thông tin về sản phẩm như nguồn gốc xuất xứ, mẫu mã, chất lượng.

- A. Tính kế thừa.
- B. Tính hợp lý.
- C. Tính thời đại.
- D. Tính giá trị.

**Câu 6.** Thất nghiệp là tình trạng người lao động

- A. có nhiều cơ hội việc làm nhưng không muốn làm việc.
- B. muốn tìm công việc yêu thích và gắn bó với địa bàn cư trú.
- C. muốn tìm công việc phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ.
- D. mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm.

**Câu 7.** Những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để chủ thể kinh tế thực hiện được mục tiêu kinh doanh (thu lợi nhuận) được gọi là

- A. Lực lượng lao động.
- B. Ý tưởng kinh doanh.
- C. Cơ hội kinh doanh.
- D. Năng lực quản trị.

**Câu 8.** Căn cứ vào tính chất, thất nghiệp được chia thành 2 loại hình, là:

- A. thất nghiệp cơ cấu và thất nghiệp không tự nguyện.
- B. thất nghiệp tạm thời và thất nghiệp cơ cấu.
- C. thất nghiệp tự nguyện và thất nghiệp không tự nguyện.
- D. thất nghiệp tự nhiên và thất nghiệp chu kì.

**Câu 9.** Đối với đời sống văn hóa, văn hóa tiêu dùng có vai trò như thế nào?

- A. Tác động đến chiến lược sản xuất kinh doanh của các chủ thể kinh tế.
- B. Là cơ sở giúp cho các doanh nghiệp đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp.
- C. Góp phần gìn giữ và phát huy những tập quán tiêu dùng tốt đẹp của dân tộc.
- D. Góp phần làm thay đổi phong cách tiêu dùng, tác phong lao động của con người.

**Câu 10.** Nội dung nào sau đây **sai** khi bàn về vấn đề cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Là những hành vi trái với quy định của pháp luật.
- B. Gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của doanh nghiệp khác.
- C. Tồn hại đến môi trường kinh doanh, tác động xấu đến xã hội.
- D. Phù hợp với nguyên tắc thiện chí, trung thực trong kinh doanh.

**Câu 11.** Là nơi diễn ra sự thoả thuận, xác lập quan hệ lao động về việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả lương giữa người lao động và người sử dụng lao động, các tổ chức đại diện của các bên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền được gọi là gì?

- A. thị trường việc làm.
- B. thị trường lao động.
- C. trung tâm giới thiệu việc làm.
- D. trung tâm môi giới việc làm.

**Câu 12.** Thông tin thị trường lao động và dịch vụ việc làm có vai trò

- A. giúp các doanh nghiệp điều tiết lực lượng lao động.
- B. là cầu nối trong việc gắn kết thị trường lao động với thị trường việc làm.
- C. là cơ sở để người sử dụng lao động tìm được việc làm phù hợp cho mình.
- D. nâng cao kiến thức cho người lao động và người sử dụng lao động.

**Câu 13.** Cung là số lượng hàng hóa, dịch vụ mà

- A. người tiêu dùng sẵn sàng mua khi các đơn vị phân phối có chương trình khuyến mại.

- B. nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường với mức giá được xác định.
- C. nhà phân phối đang thực hiện hoạt động đầu cơ để tạo sự khan hiếm trên thị trường.
- D. người tiêu dùng sẵn sàng mua với một mức giá nhất định trong khoảng thời gian xác định.

**Câu 14.** Chủ thể nào dưới đây có hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh?

- A. Doanh nghiệp A đóng bảo hiểm đầy đủ cho nhân viên theo đúng quy định pháp luật.
- B. Doanh nghiệp B chủ động tiến hành thu hồi sản phẩm khi phát hiện hàng hóa bị lỗi.
- C. Nhân viên của Công ty X có thái độ tiêu cực, khi khách hàng phản hồi về sản phẩm.
- D. Cửa hàng S thường xuyên lấy ý kiến của khách hàng để cải thiện chất lượng dịch vụ.

**Câu 15.** Tình trạng lạm phát tác động như thế nào đến hoạt động sản xuất, kinh doanh?

- A. Các doanh nghiệp tăng cường tuyển dụng lao động có tay nghề cao.
- B. Các doanh nghiệp tăng cường đầu tư, cải tiến trang thiết bị.
- C. Các doanh nghiệp tăng quy mô đầu tư, sản xuất - kinh doanh.
- D. Các doanh nghiệp giảm quy mô đầu tư, sản xuất - kinh doanh.

**Câu 16.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng vai trò của nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp?

- A. Hoàn thiện thể chế về thị trường lao động, thực hiện đúng pháp luật về lao động.
- B. Khuyến khích các cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh mở rộng hoạt động sản xuất.
- C. Thực hiện chính sách an sinh xã hội, chính sách giải quyết việc làm cho người lao động.
- D. Nghiêm cấm doanh nghiệp nước ngoài đầu tư nhằm bảo vệ các doanh nghiệp trong nước.

**Câu 17.** Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh của chủ thể sản xuất kinh doanh xuất phát từ

- A. lợi thế nội tại và cơ hội bên ngoài.
- B. điểm yếu nội tại và khó khăn bên ngoài.
- C. những mâu thuẫn của chủ thể sản xuất kinh doanh.
- D. những khó khăn nội tại của chủ thể sản xuất kinh doanh.

**Câu 18.** Một trong những biểu hiện của đạo đức kinh doanh trong mối quan hệ giữa chủ thể sản xuất với người lao động là

- A. vừa hợp tác vừa cạnh tranh lành mạnh.
- B. không sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.
- C. tích cực thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.
- D. đối xử bình đẳng, công bằng với nhân viên.

**Câu 19.** Đối với những hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh, chúng ta cần

- A. khuyến khích, cổ vũ.
- B. lên án, ngăn chặn.
- C. thờ ơ, vô cảm.
- D. học tập, noi gương.

**Câu 20.** Có kiến thức, kĩ năng về ngành nghề/ lĩnh vực kinh doanh - đó là biểu hiện cho năng lực nào của người kinh doanh?

- A. Năng lực thực hiện trách nhiệm với xã hội.
- B. Năng lực nắm bắt cơ hội.
- C. Năng lực định hướng chiến lược.
- D. Năng lực chuyên môn.



**Câu 21.** Biết đánh giá cơ hội kinh doanh, lựa chọn và chớp cơ hội kinh doanh - đó là biểu hiện cho năng lực nào của người kinh doanh?

- A. Năng lực thực hiện trách nhiệm với xã hội.
- B. Năng lực nắm bắt cơ hội.
- C. Năng lực định hướng chiến lược.
- D. Năng lực chuyên môn.

**Câu 22.** Trong nền kinh tế thị trường, người sản xuất và người tiêu dùng cũng thường xuyên cạnh tranh với nhau để

- A. được lợi ích nhiều nhất từ hoạt động trao đổi trên thị trường.
- B. mua được hàng hóa đắt hơn với chất lượng tốt hơn.
- C. giành giật những điều kiện thuận lợi trong sản xuất.
- D. giành giật những điều kiện thuận lợi trong tiêu thụ hàng hóa.

**Câu 23.** Căn cứ vào tỉ lệ lạm phát, giá cả tăng lên với tốc độ vượt xa mức lạm phát phi mã (>1.000%) được gọi là tình trạng

- A. lạm phát vừa phải.
- B. lạm phát kinh niên.
- C. siêu lạm phát.
- D. lạm phát nghiêm trọng.

**Câu 24.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng các yếu tố cấu thành thị trường lao động?

- A. Chất lượng lao động.
- B. Lượng cầu.
- C. Giá cả sức lao động.
- D. Lượng cung.

**Câu 25.** Những nhân tố nào ảnh hưởng đến lượng cầu hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp sau:

*Trường hợp.* Trong bối cảnh thị trường dầu mỏ thế giới biến động làm giá xăng dầu tăng lên, với mức thu nhập không đổi, nhiều người tiêu dùng ở thành phố đã phải cân nhắc khi sử dụng phương tiện giao thông. Thay vì sử dụng phương tiện ô tô, xe máy cá nhân hoặc taxi, nhiều người đã lựa chọn dùng phương tiện công cộng như xe buýt.

- A. Quy mô dân số và dự đoán của người tiêu dùng về thị trường.
- B. Gia tăng chi phí của các yếu tố đầu vào sản xuất và quy mô dân số.
- C. Thu nhập của người tiêu dùng và giá cả của hàng hóa, dịch vụ thay thế.
- D. Quy mô dân số và sự kì vọng của người tiêu dùng về hàng hóa, dịch vụ.

**Câu 26.** Trong các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh dưới đây, yếu tố nào **không** thuộc về cơ hội bên ngoài của các chủ thể sản xuất kinh doanh?

- A. Nhu cầu của thị trường.
- B. Sự cạnh tranh giữa các chủ thể.
- C. Khả năng huy động các nguồn lực.
- D. Chính sách vĩ mô của nhà nước.

**Câu 27.** Việc làm là

- A. hoạt động lao động tạo ra thu nhập và không bị pháp luật cấm.
- B. tất cả những hoạt động có mục đích, có ý thức của con người.
- C. tất cả những hoạt động lao động đem lại thu nhập cho con người.
- D. những hoạt động lao động tạo ra thu nhập bị pháp luật nghiêm cấm.

**Câu 28.** Đọc trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi:

*Trường hợp.* Anh V có năng lực lập kế hoạch kinh doanh, biết tổ chức nguồn lực, phối hợp công việc nhịp nhàng để đội ngũ nhân lực phát huy hết hiệu quả, tính sáng tạo trong kinh doanh.

**Câu hỏi:** Theo em, nhận định trên nói về năng lực nào của anh V?

- A. Năng lực nắm bắt cơ hội.                      B. Năng lực tổ chức, lãnh đạo.  
C. Năng lực phân tích và sáng tạo.              D. Năng lực thực hiện trách nhiệm xã hội.

**PHẦN 2: TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1:** Sau khi tốt nghiệp đại học, chị P xin bố mẹ một khoản vốn để kinh doanh mỹ phẩm trực tuyến. Biết lĩnh vực này sẽ có sức cạnh tranh lớn và có nhiều rủi ro nên chị đã cẩn trọng thực hiện từng bước. Đầu tiên, chị đánh giá, xác định được cơ hội kinh doanh và xây dựng, lên ý tưởng. Chị dành thời gian nghiên cứu thị trường, nguồn cung hàng hóa và xem xét điểm mạnh, điểm yếu của bản thân cũng như các cơ hội, thách thức khi tham gia lĩnh vực. Chị đã tiến hành ở quy mô nhỏ nhằm kiểm tra tính khả thi của dự án, sau đó mới thực hiện mở rộng. Nhờ vậy, chị đã đạt được thành công trong dự án kinh doanh của mình.

- a. Em có nhận xét như thế nào về việc xây dựng ý tưởng kinh doanh của chị P? **(1,5 điểm)**  
b. Từ trường hợp của chị P, em rút ra bài học gì để xây dựng ý tưởng kinh doanh của bản thân? **(0,5 điểm)**

**Câu 2:** Em hãy giải thích vì sao việc giữ gìn đạo đức trong kinh doanh sẽ duy trì và hoàn thiện thái độ, hành vi của nhà kinh doanh theo hướng đúng đắn, tốt đẹp, có lợi cho người tiêu dùng và xã hội? **(1 điểm)**

----HẾT----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẾN TRE  
TRƯỜNG THPT MẠC ĐĨNH CHI

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 – NĂM HỌC: 2023 – 2024  
MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ PHÁP LUẬT – LỚP 11  
THỜI GIAN: 45 phút (Không tính thời gian phát đề)

**MÃ ĐỀ 451**

**PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**Câu 1.** Thói quen tiêu dùng của anh A trong trường hợp dưới đây phản ánh về đặc điểm nào trong văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam?

**Trường hợp.** Thu nhập của anh A tăng nhanh trong những năm gần đây, tác động đến hành vi tiêu dùng. Ngoài ra, giá cả cũng là yếu tố quan trọng trong những quyết định tiêu dùng của anh. Anh A tiêu dùng ngày càng thông minh và kỹ tính hơn, quan tâm đến các thông tin về sản phẩm như nguồn gốc xuất xứ, mẫu mã, chất lượng.

- A. Tính kế thừa.                      B. Tính thời đại.                      C. Tính hợp lý.                      D. Tính giá trị.

**Câu 2.** Căn cứ vào tính chất, thất nghiệp được chia thành 2 loại hình, là:

- A. thất nghiệp cơ cấu và thất nghiệp không tự nguyện.  
B. thất nghiệp tạm thời và thất nghiệp cơ cấu.  
C. thất nghiệp tự nhiên và thất nghiệp chu kỳ.  
D. thất nghiệp tự nguyện và thất nghiệp không tự nguyện.

**Câu 3.** Thất nghiệp là tình trạng người lao động

- A. có nhiều cơ hội việc làm nhưng không muốn làm việc.

- B. muốn tìm công việc yêu thích và gắn với địa bàn cư trú.
- C. muốn tìm công việc phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ.
- D. mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm.

**Câu 4.** Đạo đức kinh doanh có vai trò quan trọng đối với các chủ thể sản xuất kinh doanh, ngoại trừ việc

- A. làm mất lòng tin của khách hàng đối với doanh nghiệp.
- B. điều chỉnh hành vi của các chủ thể theo hướng tích cực.
- C. đẩy mạnh hợp tác và đầu tư giữa các chủ thể kinh doanh.
- D. thúc đẩy sự phát triển vững mạnh của kinh tế quốc gia.

**Câu 5.** Những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để chủ thể kinh tế thực hiện được mục tiêu kinh doanh (thu lợi nhuận) được gọi là

- A. Lực lượng lao động.
- B. Cơ hội kinh doanh.
- C. Ý tưởng kinh doanh.
- D. Năng lực quản trị.

**Câu 6.** Hành vi nào dưới đây là biểu hiện của đạo đức kinh doanh?

- A. Tìm mọi cách để triệt hạ đối thủ cạnh tranh.
- B. Sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.
- C. Đảm bảo lợi ích chính đáng cho người lao động.
- D. Phân biệt đối xử giữa các lao động nam và nữ.

**Câu 7.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng lợi thế nội tại giúp hình thành ý tưởng kinh doanh?

- A. Chính sách vĩ mô của nhà nước.
- B. Nhu cầu sản phẩm trên thị trường.
- C. Lợi thế về nguồn cung ứng sản phẩm.
- D. Đam mê, hiểu biết của chủ thể kinh doanh.

**Câu 8.** Chủ thể nào dưới đây có hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh?

- A. Doanh nghiệp A đóng bảo hiểm đầy đủ cho nhân viên theo đúng quy định pháp luật.
- B. Doanh nghiệp B chủ động tiến hành thu hồi sản phẩm khi phát hiện hàng hóa bị lỗi.
- C. Nhân viên của Công ty X có thái độ tiêu cực, khi khách hàng phản hồi về sản phẩm.
- D. Cửa hàng S thường xuyên lấy ý kiến của khách hàng để cải thiện chất lượng dịch vụ.

**Câu 9.** Tình trạng lạm phát tác động như thế nào đến hoạt động sản xuất, kinh doanh?

- A. Các doanh nghiệp tăng cường tuyển dụng lao động có tay nghề cao.
- B. Các doanh nghiệp tăng cường đầu tư, cải tiến trang thiết bị.
- C. Các doanh nghiệp tăng quy mô đầu tư, sản xuất - kinh doanh.
- D. Các doanh nghiệp giảm quy mô đầu tư, sản xuất - kinh doanh.

**Câu 10.** Một trong những biểu hiện của đạo đức kinh doanh trong mối quan hệ giữa chủ thể sản xuất kinh doanh với nhau là

- A. đối xử bình đẳng, công bằng với nhân viên.
- B. vừa hợp tác vừa cạnh tranh lành mạnh.

- C. tích cực thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.
- D. không sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.

**Câu 11.** Đối với đời sống văn hóa, văn hóa tiêu dùng có vai trò như thế nào?

- A. Tác động đến chiến lược sản xuất kinh doanh của các chủ thể kinh tế.
- B. Là cơ sở giúp cho các doanh nghiệp đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp.
- C. Góp phần gìn giữ và phát huy những tập quán tiêu dùng tốt đẹp của dân tộc.
- D. Góp phần làm thay đổi phong cách tiêu dùng, tác phong lao động của con người.

**Câu 12.** Nội dung nào sau đây **sai** khi bàn về vấn đề cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Là những hành vi trái với quy định của pháp luật.
- B. Gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của doanh nghiệp khác.
- C. Tồn hại đến môi trường kinh doanh, tác động xấu đến xã hội.
- D. Phù hợp với nguyên tắc thiện chí, trung thực trong kinh doanh.

**Câu 13.** Thông tin thị trường lao động và dịch vụ việc làm có vai trò

- A. giúp các doanh nghiệp điều tiết lực lượng lao động.
- B. là cầu nối trong việc gắn kết thị trường lao động với thị trường việc làm.
- C. là cơ sở để người sử dụng lao động tìm được việc làm phù hợp cho mình.
- D. nâng cao kiến thức cho người lao động và người sử dụng lao động.

**Câu 14.** Một trong những biểu hiện của đạo đức kinh doanh trong mối quan hệ giữa chủ thể sản xuất với người lao động là

- A. đối xử bình đẳng, công bằng với nhân viên.
- B. không sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.
- C. tích cực thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.
- D. vừa hợp tác vừa cạnh tranh lành mạnh.

**Câu 15.** Đối với những hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh, chúng ta cần

- A. khuyến khích, cổ vũ.
- B. lên án, ngăn chặn.
- C. thờ ơ, vô cảm.
- D. học tập, noi gương.

**Câu 16.** Cung là số lượng hàng hóa, dịch vụ mà

- A. người tiêu dùng sẵn sàng mua khi các đơn vị phân phối có chương trình khuyến mại.
- B. người tiêu dùng sẵn sàng mua với một mức giá nhất định trong khoảng thời gian xác định.
- C. nhà phân phối đang thực hiện hoạt động đầu cơ để tạo sự khan hiếm trên thị trường.
- D. nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường với mức giá được xác định.

**Câu 17.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng vai trò của nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp?

- A. Hoàn thiện thể chế về thị trường lao động, thực hiện đúng pháp luật về lao động.
- B. Khuyến khích các cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh mở rộng hoạt động sản xuất.
- C. Thực hiện chính sách an sinh xã hội, chính sách giải quyết việc làm cho người lao động.

D. Nghiêm cấm doanh nghiệp nước ngoài đầu tư nhằm bảo vệ các doanh nghiệp trong nước.

**Câu 18.** Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh của chủ thể sản xuất kinh doanh xuất phát từ

- A. lợi thế nội tại và cơ hội bên ngoài.
- B. điểm yếu nội tại và khó khăn bên ngoài.
- C. những mâu thuẫn của chủ thể sản xuất kinh doanh.
- D. những khó khăn nội tại của chủ thể sản xuất kinh doanh.

**Câu 19.** Có kiến thức, kỹ năng về ngành nghề/ lĩnh vực kinh doanh - đó là biểu hiện cho năng lực nào của người kinh doanh?

- A. Năng lực thực hiện trách nhiệm với xã hội.
- B. Năng lực nắm bắt cơ hội.
- C. Năng lực định hướng chiến lược.
- D. Năng lực chuyên môn.

**Câu 20.** Biết đánh giá cơ hội kinh doanh, lựa chọn và chớp cơ hội kinh doanh - đó là biểu hiện cho năng lực nào của người kinh doanh?

- A. Năng lực thực hiện trách nhiệm với xã hội.
- B. Năng lực nắm bắt cơ hội.
- C. Năng lực định hướng chiến lược.
- D. Năng lực chuyên môn.

**Câu 21.** Trong các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh dưới đây, yếu tố nào **không** thuộc về cơ hội bên ngoài của các chủ thể sản xuất kinh doanh?

- A. Nhu cầu của thị trường.
- B. Sự cạnh tranh giữa các chủ thể.
- C. Khả năng huy động các nguồn lực.
- D. Chính sách vĩ mô của nhà nước.

**Câu 22.** Những nhân tố nào ảnh hưởng đến lượng cầu hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp sau:

*Trường hợp.* Trong bối cảnh thị trường dầu mỏ thế giới biến động làm giá xăng dầu tăng lên, với mức thu nhập không đổi, nhiều người tiêu dùng ở thành phố đã phải cân nhắc khi sử dụng phương tiện giao thông. Thay vì sử dụng phương tiện ô tô, xe máy cá nhân hoặc taxi, nhiều người đã lựa chọn dùng phương tiện công cộng như xe buýt.

- A. Quy mô dân số và dự đoán của người tiêu dùng về thị trường.
- B. Thu nhập của người tiêu dùng và giá cả của hàng hóa, dịch vụ thay thế.
- C. Gia tăng chi phí của các yếu tố đầu vào sản xuất và quy mô dân số.
- D. Quy mô dân số và sự kì vọng của người tiêu dùng về hàng hóa, dịch vụ.

**Câu 23.** Việc làm là

- A. hoạt động lao động tạo ra thu nhập và không bị pháp luật cấm.
- B. tất cả những hoạt động có mục đích, có ý thức của con người.
- C. tất cả những hoạt động lao động đem lại thu nhập cho con người.
- D. những hoạt động lao động tạo ra thu nhập bị pháp luật nghiêm cấm.

**Câu 24.** Căn cứ vào tỉ lệ lạm phát, giá cả tăng lên với tốc độ vượt xa mức lạm phát phi mã (>1.000%) được gọi là tình trạng

- A. lạm phát vừa phải.
- B. lạm phát kinh niên.
- C. siêu lạm phát.
- D. lạm phát nghiêm trọng.

**Câu 25.** Là nơi diễn ra sự thoả thuận, xác lập quan hệ lao động về việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả lương giữa người lao động và người sử dụng lao động, các tổ chức đại diện của các bên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền được gọi là gì?

- A. thị trường việc làm.                                   B. thị trường lao động.  
C. trung tâm giới thiệu việc làm.                   D. trung tâm môi giới việc làm.

**Câu 26.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng các yếu tố cấu thành thị trường lao động?

- A. Chất lượng lao động.    B. Lượng cầu.    C. Giá cả sức lao động.    D. Lượng cung.

**Câu 27.** Đọc trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi:

**Trường hợp.** Anh V có năng lực lập kế hoạch kinh doanh, biết tổ chức nguồn lực, phối hợp công việc nhịp nhàng để đội ngũ nhân lực phát huy hết hiệu quả, tính sáng tạo trong kinh doanh.

**Câu hỏi:** Theo em, nhận định trên nói về năng lực nào của anh V?

- A. Năng lực nắm bắt cơ hội.                           B. Năng lực thực hiện trách nhiệm xã hội.  
C. Năng lực phân tích và sáng tạo.                 D. Năng lực tổ chức, lãnh đạo.

**Câu 28.** Trong nền kinh tế thị trường, người sản xuất và người tiêu dùng cũng thường xuyên cạnh tranh với nhau để

- A. được lợi ích nhiều nhất từ hoạt động trao đổi trên thị trường.  
B. mua được hàng hóa đắt hơn với chất lượng tốt hơn.  
C. giành giật những điều kiện thuận lợi trong sản xuất.  
D. giành giật những điều kiện thuận lợi trong tiêu thụ hàng hóa.

## **PHẦN 2: TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1:** Sau khi tốt nghiệp đại học, chị P xin bố mẹ một khoản vốn để kinh doanh mỹ phẩm trực tuyến. Biết lĩnh vực này sẽ có sức cạnh tranh lớn và có nhiều rủi ro nên chị đã cẩn trọng thực hiện từng bước. Đầu tiên, chị đánh giá, xác định được cơ hội kinh doanh và xây dựng, lên ý tưởng. Chị dành thời gian nghiên cứu thị trường, nguồn cung hàng hóa và xem xét điểm mạnh, điểm yếu của bản thân cũng như các cơ hội, thách thức khi tham gia lĩnh vực. Chị đã tiến hành ở quy mô nhỏ nhằm kiểm tra tính khả thi của dự án, sau đó mới thực hiện mở rộng. Nhờ vậy, chị đã đạt được thành công trong dự án kinh doanh của mình.

a. Em có nhận xét như thế nào về việc xây dựng ý tưởng kinh doanh của chị P? **(1,5 điểm)**

b. Từ trường hợp của chị P, em rút ra bài học gì để xây dựng ý tưởng kinh doanh của bản thân? **(0,5 điểm)**

**Câu 2:** Em hãy giải thích vì sao việc giữ gìn đạo đức trong kinh doanh sẽ duy trì và hoàn thiện thái độ, hành vi của nhà kinh doanh theo hướng đúng đắn, tốt đẹp, có lợi cho người tiêu dùng và xã hội? **(1 điểm)**

----HẾT----

## MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 11

Thời gian làm bài: 45 phút

### A. TRẮC NGHIỆM

1	D	8	C	15	A	22	D
2	B	9	C	16	D	23	C
3	D	10	C	17	C	24	A
4	A	11	D	18	B	25	B
5	C	12	C	19	D	26	A
6	A	13	D	20	B	27	C
7	D	14	A	21	B	28	A

### B. TỰ LUẬN

**Câu 1:** Có 2 nhân tố ảnh hưởng đến cầu hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp trên, là:

(1) thu nhập của người tiêu dùng (0.25 đ)

(2) giá cả của các loại hàng hóa, dịch vụ thay thế. (0.25 đ)

Cụ thể:

- giá xăng tăng; (0.25 đ)
- thu nhập của người tiêu dùng không đổi; (0.25 đ)
- giá cả khi sử dụng phương tiện công cộng rẻ hơn (0.25 đ)

=> người tiêu dùng có xu hướng: hạn chế sử dụng phương tiện ô tô, xe máy cá nhân hoặc taxi; chuyển sang sử dụng phương tiện công cộng như xe buýt. (0.25 đ)

**Câu 2:**

- Xu hướng tuyển dụng lao động có sự thay đổi theo hướng:

+ Tập trung nhiều hơn vào việc tuyển dụng lao động chất lượng cao. (0.25 đ)

+ Ưu tiên tuyển dụng lao động đã qua đào tạo, có chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng và thái độ làm việc tốt. (0.25 đ)

đ)

- Học sinh cần:

+ hoàn thiện bản thân, rèn luyện những kỹ năng cần thiết để sẵn sàng tham gia thị trường lao động, việc làm.  
(0.5 đ)

+ tìm hiểu, lựa chọn được